

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ CẦN THƠ

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Phan Thúy	Ái				30	10	1990	Cà Mau	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		CTH00007		67.50	72.50	57.50		CTH00537
2	Trần Diệu	Ái				19	9	1989	Ấp Cây Giang, xã Long Điền, Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Quản Trị Kinh Doanh		CTH00008		37.50	32.50	35.00		CTH00079
3	Lê Thị Thúy	An				5	1	1994	xã Hiếu Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Luật Thương Mại		CTH00018		70.00	53.75	72.50		CTH01068
4	Nguyễn Đăng Bình	An				17	11	1979	Trà Ôn, Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Tín dụng		CTH00020		40.00	36.25	55.00		CTH00550
5	Nguyễn Thiên	An				20	12	1990	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Luật Tư pháp		CTH00028		60.00	62.50	65.00		CTH00019
6	Võ Thị Thủy	An				29	9	1992	xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH00041		60.00	57.50	70.00		CTH00532
7	Nguyễn Thị Ngọc	Anh				15	2	1992	Ninh Bình	Đại học Công nghiệp TP HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH00113		65.00	78.75	67.50		CTH00018
8	Lý Ngọc	Bích				6	12	1987	Thị Trấn Gò Quao, Huyện Gò Quao, Tỉnh Kiên Giang	Đại Học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH00197		60.00	38.75	75.00		CTH01076
9	Trần Thị Ngọc	Bích				24	3	1989	Đại Thành, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH00207		47.50	43.75	57.50		CTH00571
10	Nguyễn Thị Nguyên	Bình				15	8	1995	TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH00233		65.00	53.75	65.00		CTH01026
11	Trần Phương	Bình	8	5	1992				Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH00241		VT	VT	VT		CTH01102
12	Nguyễn Thị Hồng	Châu				20	2	1994	Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật Thương mại		CTH00280		VT	VT	VT		CTH00505
13	Nguyễn Thị Bích	Chi				17	7	1985	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Cần Thơ	Kế toán Tổng hợp		CTH00306		57.50	57.50	62.50		CTH00560
14	Nguyễn Văn	Cửa				23	1	1990	Phú Thạnh, Phú Tân, An Giang	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH00360		VT	VT	VT		CTH00092
15	Nguyễn Thị	Cúc				1	5	1987	Phú Vang, TT Huế	Đại học Cần Thơ	Kinh Tế Ngoại Thương		CTH00364		62.50	58.75	75.00		CTH00055
16	Bùi Trọng	Cường	1	12	1988				Đồng Tháp	Đại Học Tây Đô	Tài Chính ngân hàng		CTH00382		65.00	56.25	77.50		CTH01053
17	Trần Quốc	Cường	15	1	1987				Ô Môn - Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Luật		CTH00402		VT	VT	VT		CTH01027
18	Nguyễn Thành	Danh	30	6	1990				ấp 2, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		CTH00426		50.00	31.25	65.00		CTH01040
19	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm				13	1	1991	Cẩm Giăng, Hải Dương	Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm TP HCM	Tài Chính ngân hàng		CTH00495		VT	VT	VT		CTH01012
20	Trần Thị Kiều	Diễm				25	5	1993	Số 117A, Phước Thuận 1, Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh thương mại		CTH00502		VT	VT	VT		CTH00548
21	Võ Thị Thúy	Diễm				29	8	1988	377/24 ấp An Thạnh, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính Doanh nghiệp		CTH00507		VT	VT	VT		CTH01065
22	Huỳnh Thị Bích	Diễm				15	5	1991	Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Luật Tư pháp		CTH00508		60.00	30.00	60.00		CTH00515
23	Bùi Thị	Diễm				21	11	1981	Trường Lạc - Ô Môn	Đại Học Nha Trang	Kế toán		CTH00509		70.00	32.50	60.00		CTH01129
24	Huỳnh Thị	Diệp				30	9	1992	Xã Long Thạnh, H Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang	Đại học Võ Trường Toản	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH00524		65.00	46.25	70.00		CTH00073
25	Nguyễn Xuân	Diệp				21	3	1987	Trà ôn, Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		CTH00529		75.00	45.00	60.00		CTH00065
26	Trần Minh	Đức	20	10	1991				Đức Thọ - Hà Tĩnh	Đại học Cần Thơ	Quản Trị Kinh Doanh		CTH00572		67.50	46.25	62.50		CTH00002
27	Lê Thị Thùy	Dung				17	10	1990	xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		CTH00585		80.00	41.25	65.00		CTH01120
28	Trần Thị Thủy	Dung				8	10	1992	SN 134, ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đại Học Đồng Tháp	Kế toán		CTH00616		57.50	35.00	60.00		CTH01097

ngk

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
29	Đặng Quốc	Dũng	20	8	1972				Rạch Giá, Kiên Giang	Đại Học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		CTH00623		72.50	MT	55.00		CTH01131
30	Huỳnh Quốc	Dũng	23	10	1988				Quảng Ngãi	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		CTH00627		55.00	43.75	72.50		CTH00536
31	Lâm Tấn	Dũng	1	1	1991				ấp Trung Hòa, xã Trường Xuân A, huyện Thới Lai, TP.Cần Thơ	Đại học Võ Trường Toản	Tài chính - Ngân hàng		CTH00629		VT	VT	VT		CTH00525
32	Trần Nguyễn Thùy	Dương				8	9	1992	xã Mỹ Nhân, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH00682		VT	VT	VT		CTH00527
33	Trần Thị Bé	Duyên				26	6	1994	xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đại học Cần Thơ	Luật Thương mại		CTH00732		60.00	56.25	57.50		CTH00546
34	Võ Thị Cẩm	Duyên				10	1	1992	Thuận Hưng, Thốt Nốt, Cần Thơ	ĐH Võ Trường Toản	Kế toán		CTH00737		60.00	40.00	62.50		CTH01033
35	Nguyễn Thị Thanh	Gấm				20	8	1992	ấp Nàng Rền, Thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Luật Hành chính		CTH00751		40.00	30.00	60.00		CTH00513
36	Cao Ngân	Giang	25	6	1989				ấp Tân Hưng, xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH00755		80.00	57.50	67.50		CTH01050
37	Cao Thị Thùy	Giang				31	8	1992	Đồng Hải, Thanh Hóa	Đại học Hồng Đức	Kế toán		CTH00756		62.50	47.50	72.50		CTH00070
38	Nguyễn Thị Thanh	Giang				14	9	1991	Thanh Trì, Hà Nội	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH00776		50.00	75.00	67.50		CTH01001
39	Nguyễn Thu	Giang				5	4	1991	Hồng Lý, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học Cần Thơ	Kinh Tế Nông Nghiệp		CTH00780		VT	VT	VT		CTH00090
40	Trần Hoàng Hà	Giang				15	7	1993	Hà Tĩnh	Đại học Tây Đô	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH00791		55.00	60.00	62.50		CTH00009
41	Tăng Ngọc Khánh	Giao				20	2	1990	Tân An, Ninh Kiều, TPCT	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh thương mại	DTTS	CTH00807	20	67.50	71.25	75.00		CTH00012
42	Nguyễn Thị Ngọc	Hà				15	1	1994	số 208, An Thái, An Khánh, Châu Thành, Đồng Tháp	Đại học Đồng Tháp	Kế toán		CTH00841		VT	VT	VT		CTH00048
43	Nguyễn Thu	Hà				14	1	1984	Hầu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật Thương Mại		CTH00847		VT	VT	VT		CTH00040
44	Nguyễn Tú	Hân				1	5	1988	TRUNG NHÚT, THỐT NỐT, Cần Thơ	ĐH Mở TPHCM	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH00896		50.00	62.50	62.50		CTH00022
45	Nguyễn Hữu	Hận	20	10	1979				Thới Tân - Thới Lai - TP Cần Thơ	Đại Học Mở TPHCM	Kế toán	HTNVQS	CTH00904	10	40.00	31.25	17.50		CTH01030
46	Huỳnh Thị Xuân	Hằng				10	1	1989	Ấp Thới Thuận A, xã Tân Thạnh, H. Thới Lai, TP Cần Thơ	Đại Học Tây Đô	Kế toán		CTH00918		55.00	53.75	57.50		CTH01085
47	Trần Thị Diễm	Hằng				6	5	1991	Phú Thạnh, Long Phú, Tam Bình, Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Kinh tế - Tài nguyên - Thiên nhiên		CTH00957		80.00	53.75	75.00		CTH00524
48	Ngô Ngọc	Hạnh				17	6	1990	Hòa Thanh, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Kế toán tổng hợp		CTH00978		55.00	36.25	60.00		CTH00008
49	Trương Mỹ	Hạnh				9	10	1989	P3,TP Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH00996		57.50	45.00	60.00		CTH00093
50	Nguyễn Quí	Hào				6	7	1990	Nỹ Lộc 2, Mỹ Bình, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		CTH01007		35.00	30.00	55.00		CTH00563
51	Đặng Công	Hầu	18	8	1981				Thốt Nốt , TP Cần Thơ	Đại Học Huế	Luật		CTH01010		47.50	36.25	57.50		CTH01054
52	Từ Phúc	Hậu	2	10	1994				Ấp 1, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Đại Học Tây Đô	Kế toán		CTH01018		VT	VT	VT		CTH01064
53	Lương Minh	Hiền				2	1	1990	Nhật Tân, Tiên Lữ, Hưng Yên	ĐH Toulouse	Kinh tế quản lý		CTH01046		80.00	MT	65.00		CTH00031
54	Phạm Thu	Hiền				26	4	1990	Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH01066		90.00	55.00	85.00		CTH01004
55	Văng Công	Hiền	9	1	1992				Vĩnh Thuận, Vĩnh Nhuận, Châu Thành, An Giang	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH01076		52.50	47.50	60.00		CTH00064
56	Lê Trọng	Hiện	30	11	1988				92 ấp Trường Thạnh, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ	ĐH Kinh tế TPHCM	Tài Chính Ngân hàng		CTH01081		57.50	45.00	45.00		CTH01016
57	Trần Chí Hoàng	Hiếu	31	3	1989				P Bùi Hữu Nghĩa, Q Bình Thủy, TPCT	Đại học Võ Trường Toản	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH01119		62.50	32.50	67.50		CTH00006
58	Lê Thị	Hoa				15	6	1989	Thiệu Giao, Đông Sơn, Thanh Hóa	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH01134		72.50	53.75	62.50		CTH00502
59	Ngô Bửu	Hòa	28	8	1993				Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH01160		62.50	50.00	65.00		CTH01093
60	Võ Anh	Học	4	3	1987				Tân Vạn, Biên Hòa, Đồng Nai	Đại Học Nha Trang	Kế toán		CTH01206		57.50	40.00	55.00		CTH01087
61	Võ Tỷ	Hon	25	6	1988				ấp 2 - xã Thạnh Phú - Huyện Cờ Đỏ - TP Cần Thơ	Đại Học Mở TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		CTH01209		47.50	31.25	50.00		CTH01029
62	Đặng Thị Kim	Hón				19	9	1988	316, KV Phú Lương, P Long Hưng, Q Ô Môn, TPCT	ĐH Bách Khoa Hà Nội	Quản Trị Tài Chính - Kế Toán		CTH01211		47.50	33.75	62.50		CTH00095

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
63	Bùi Thị Cẩm	Hồng				2	8	1991	Phú Thạnh - Phú Tân- An Giang	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH01213		37.50	33.75	30.00		CTH01118
64	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng				29	4	1989	ấp 5, xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		CTH01232		70.00	63.75	70.00		CTH00507
65	Lê Thị Ngọc	Huệ				29	11	1988	Vĩnh Thạnh, Lấp Vò, Đồng Tháp	Đại học Cần Thơ	Kinh tế Ngoại thương		CTH01260		VT	VT	VT		CTH00565
66	Phạm Thái	Hưng	17	12	1985				Bình Thủy, Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính Ngân hàng		CTH01291		45.00	56.25	72.50		CTH01124
67	Bùi Thị Thu	Hương				28	1	1990	Hà Kỳ, Tứ Kỳ, Hải Dương	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH01299		80.00	65.00	75.00		CTH00007
68	Nguyễn Khắc	Huy	21	1	1983				P. Long Xuyên, Q. Bình Thủy, TP Cần Thơ	Đại Học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		CTH01382		52.50	33.75	55.00		CTH01037
69	Nguyễn Lê Khánh	Huy	8	1	1990				Thị Trấn Ô Môn, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		CTH01383		57.50	56.25	72.50		CTH01107
70	Nguyễn Nam	Huy	22	12	1992				Thuận An, Bình Minh, Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH01384		80.00	48.75	62.50		CTH01049
71	Nguyễn Thế	Huy	5	10	1990				P Trường Thạnh, Q Cái Răng, TPCT	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH01387		57.50	56.25	80.00		CTH00017
72	Trần Hoàng	Huy	18	10	1990				Long Mỹ, Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH01393		67.50	40.00	75.00		CTH00510
73	Ngô Thị Bửu	Huyền				2	6	1988	118B Mậu Thân, P An Hòa, Q Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH01398		57.50	71.25	62.50		CTH00080
74	Nguyễn Quốc	Khải	1	1	1990				xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật Hành chính		CTH01469		VT	VT	VT		CTH00526
75	Trần Anh	Khoa	1	1	1990				Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH01517		75.00	83.75	75.00		CTH00511
76	Lê Trọng	Khôi	31	7	1990				TP.Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		CTH01522		45.00	47.50	62.50		CTH00556
77	Đinh Quốc	Kiệt	27	3	1980				Châu Thành, Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH01550		VT	VT	VT		CTH00567
78	Huỳnh Tuấn	Kiệt	29	11	1989				Trường Thành, Thới Lai, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Luật tư pháp		CTH01552		60.00	46.25	82.50		CTH01017
79	Nguyễn Thị Như	Kiều				8	1	1984	xã Thới An, Quận Ô Môn, TP Cần Thơ	Đại Học Cửu Long	Kế toán		CTH01565		57.50	46.25	75.00		CTH01046
80	Nguyễn Thị Thanh	Kiều				30	3	1986	Nghĩa Thắng, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH01566		62.50	46.25	57.50		CTH00088
81	Nguyễn Thị Thảo	Lan				23	12	1992	Phường Trường Lạc, Ô Môn, TP.Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Luật Thương mại		CTH01618		77.50	40.00	70.00		CTH00539
82	Nguyễn Diệu	Lăng				6	2	1987	Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại Học Cần Thơ	Luật thương mại		CTH01634		72.50	56.25	67.50		CTH01069
83	Trần Ngọc	Lãnh				22	11	1988	ấp Hòa Tân, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH01638		85.00	53.75	50.00		CTH00516
84	Nguyễn Thị Bạch	Lê				10	5	1991	ấp Nhì B, xã Chánh Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH01649		52.50	51.25	55.00		CTH00528
85	Cao Thị Trúc	Linh				9	4	1987	Mỹ Hưng, Thạnh Phú, Bến Tre	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH01698		87.50	60.00	62.50		CTH00045
86	Đỗ Ngọc Phương	Linh				25	12	1992	TRung An, THốt Nốt, Cần Thơ	Đại học Võ Trường Toản	Kế toán		CTH01705		VT	VT	VT		CTH00032
87	Huỳnh Trúc	Linh				21	6	1994	Phước Hậu, Long Hồ, Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Luật Thương Mại		CTH01713		62.50	48.75	57.50		CTH00010
88	Ngô Thị	Linh				15	10	1986	Nghệ An	Đại Học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		CTH01730		85.00	55.00	60.00		CTH01022
89	Trần Khánh	Linh				31	7	1992	Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật Thương Mại		CTH01790		57.50	48.75	57.50		CTH00067
90	Lê Thị Phương	Loan				22	11	1989	Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		CTH01835		95.00	61.25	75.00		CTH01007
91	Nguyễn Thị Hồng	Loan				29	5	1986	Q Ô Môn, TPCT	ĐH Luật Tp HCM	Luật		CTH01841		VT	VT	VT		CTH00060
92	Nguyễn Thị Thu	Loan				26	3	1989	Khóm 1, đường Hùng Vương, TT Trí Tôn, H Trí Tôn, Tỉnh An Giang	Đại học Tây Đô	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH01846		45.00	43.75	50.00		CTH00023
93	Trần Thị	Loan				1	1	1982	xã Phong Hòa, H. Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Đại Học Nha Trang	Kế toán		CTH01849		55.00	40.00	27.50		CTH01100
94	Ca Lê Huỳnh	Mai				24	2	1989	Bến Tre	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		CTH01948		67.50	50.00	67.50		CTH01058
95	Quang Thị Hoàng	Mai				23	8	1993	huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH01973		67.50	70.00	85.00		CTH00508
96	Nguyễn Đắc Hoàng	Minh	6	8	1982				Thừa Thiên Huế	Đại Học Ngân hàng TPHCM	Tài Chính ngân hàng	DTTS	CTH02012	20	22.50	46.25	47.50		CTH01021
97	Nguyễn Hoàng	Minh	17	12	1990				Ngã Bạch, Nga Sơn, Thanh Hóa	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH02014		50.00	65.00	65.00		CTH01043
98	Trần Hoàng	Minh	20	11	1991				Hòa Mỹ, Cái Nước, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật Tư pháp		CTH02030		VT	VT	VT		CTH00076

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
99	Trần Ngọc	Minh	1	6	1972				Thanh Quới, Vĩnh Thạnh, TPCT	Đại học An Giang	Kế toán	HTNVQS	CTH02032	10	37.50	33.75	40.00		CTH00026
100	Âu Toàn	Mỹ				19	7	1990	số 55, ấp Sóc Bưng Khu IV, xã Thanh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính - Ngân hàng		CTH02071		52.50	45.00	72.50		CTH00517
101	Nguyễn Thị Kim	My				1	1	1991	Cái Vồn, Bình Minh, Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH02080		75.00	MT	75.00		CTH01115
102	Hồ	Nam	20	7	1993				Vị Thắng, Vị Thủy, Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH02087		55.00	53.75	70.00		CTH00545
103	Nguyễn Hoài	Nam	16	7	1992				xã Hòa Nghĩa, Chợ Lách, Bến Tre	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		CTH02092		40.00	28.75	52.50		CTH00566
104	Trần Thị Huỳnh	Nga				12	7	1991	Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Kinh doanh Thương mại		CTH02148		77.50	60.00	80.00		CTH01045
105	Lê Thị Kim	Ngân				22	5	1978	Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		CTH02175		50.00	42.50	65.00		CTH01092
106	Lê Thị Thùy	Ngân				20	2	1991	Tân Thành - Lai Vung - Đồng Tháp	Đại Học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		CTH02182		VT	VT	VT		CTH01028
107	Nguyễn Thị Kim	Ngân				20	7	1989	Ấp Thạnh TRung, Xã TRung Hưng, Huyện Cờ Đỏ, TPCT	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH02197		87.50	MT	67.50		CTH00003
108	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân				9	2	1986	029 Ấp Nhơn Thuận, xã Nhơn Nghĩa, H. Phong Điền, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh tổng hợp		CTH02202		55.00	52.50	70.00		CTH01126
109	Nguyễn Thị Thùy	Ngân				7	1	1991	Ấp Tích Phước, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Luật tư pháp		CTH02206		47.50	41.25	60.00		CTH01074
110	Nguyễn Thu	Ngân				1	1	1988	KV Phú Lộc 1, P Trung Nhứt, Q Thốt Nốt, TPCT	Đại học Cần Thơ	Quản Trị Kinh Doanh		CTH02235		VT	VT	VT		CTH00050
111	Đoàn Minh	Nghiêm	16	4	1979				Vĩnh Lạc, Rạch Giá, Kiên Giang	Đại Học Nha Trang	Kinh tế thủy sản		CTH02256		52.50	62.50	60.00		CTH01073
112	Võ Thị	Ngoan				10	2	1994	Hưng Thành, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH02263		52.50	52.50	60.00		CTH00063
113	Đinh Tuyết	Ngọc				20	11	1978	Cần Thơ	Đại Học Nha Trang	Kế toán		CTH02272		52.50	36.25	52.50		CTH01060
114	Lê Vũ	Ngọc				13	8	1994	Cần Đăng, Châu Thành, An Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh quốc tế		CTH02294		50.00	82.50	65.00		CTH00044
115	Phạm Thị Bích	Ngọc				8	3	1988	Long Đức, Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Ngoại Thương	Kinh tế Đối ngoại		CTH02327		VT	VT	VT		CTH01113
116	Trần Đào Thúy	Ngọc				9	5	1995	An Phú Tân, Cầu Kè, Trà Vinh	Đại Học Cần Thơ	Luật Tư pháp		CTH02339		VT	VT	VT		CTH01008
117	Đặng Thị Thảo	Nguyên				29	9	1986	Tam Ngãi, Cầu Kè, Trà Vinh	Đại học Cần Thơ	Quản Trị Kinh Doanh		CTH02363		65.00	50.00	52.50		CTH00030
118	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên				2	9	1992	Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		CTH02378		62.50	33.75	62.50		CTH01018
119	Nguyễn Thị Kim	Nguyên				20	11	1994	TP Rạch Giá, Kiên Giang	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH02382		60.00	48.75	55.00		CTH00013
120	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên				12	8	1992	487/14, ấp 4, xã Ba Trinch, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH02385		60.00	36.25	60.00		CTH00568
121	Nguyễn Trang Thảo	Nguyên				5	8	1994	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kiểm toán		CTH02387		VT	VT	VT		CTH00547
122	Châu Bửu	Nhi				19	12	1985	Trung Quốc	Đại Học Cần Thơ	Luật thương mại		CTH02458		47.50	MT	72.50		CTH01111
123	Trần Yến	Nhi				23	7	1992	Long Xuyên	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		CTH02494		VT	VT	VT		CTH01011
124	Diệp Đắc	Nhiệm	10	4	1986				Long Hòa, Bình Thủy, Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Luật		CTH02496		47.50	37.50	45.00		CTH01048
125	Hồ Thị Ngọc	Nhiên				13	4	1988	Ấp Bình Lợi, xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH02498		55.00	47.50	62.50		CTH01095
126	Võ Mỹ	Như				20	12	1993	Thanh Quới, Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Kinh tế		CTH02552		40.00	53.75	62.50		CTH01079
127	Phạm Thị Tuyết	Nhung				1	1	1988	Định Thành, Thoại Sơn, An Giang	Đại Học Tây Đô	Kế toán		CTH02592		VT	VT	VT		CTH01067
128	Trần Thị Cẩm	Nhung				28	1	1993	ấp Tân Qui I, An Phú Tân, Cầu Kè, Trà Vinh	Đại học Cần Thơ	Luật Tư pháp		CTH02603		VT	VT	VT		CTH00506
129	Nguyễn Ngọc	Nữ				19	9	1990	Việt Khái, Phú Tân, Cà Mau	Đại Học Võ Trường Toản	Tài Chính ngân hàng		CTH02625		VT	VT	VT		CTH01125
130	Đỗ Thị Kim	Oanh				26	12	1995	Hải Dương	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		CTH02635		45.00	52.50	57.50		CTH01103
131	Huỳnh Yến	Oanh				20	10	1985	Khóm 1, TT Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh	Đại học Cần Thơ	Quản Trị Kinh Doanh		CTH02637		62.50	42.50	67.50		CTH00075
132	Nguyễn Thị Kiều	Oanh				9	2	1988	TRường Lạc, Ô Môn, Cần Thơ	Đại học Nha Trang	Kế toán		CTH02646		42.50	37.50	52.50		CTH00066

nguy

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
133	Nguyễn Thị Kim	Oanh				8	2	1994	Thanh Hải, Thanh Hà, Hải Dương	Đại Học Cần Thơ	Luật thương mại		CTH02649		87.50	66.25	75.00		CTH01099
134	Võ Nguyễn Yến	Oanh				24	4	1992	Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH02661		67.50	61.25	67.50		CTH01136
135	Trần Huỳnh Diễm	Phúc				18	11	1995	Mỹ Phước, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kinh Tế TNTN		CTH02743		65.00	66.25	55.00		CTH00077
136	Cao Mỹ	Phụng				21	12	1983	Quảng Đông - Trung Quốc	Trường Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		CTH02746		70.00	MT	75.00		CTH00501
137	Lâm Mai	Phượng				15	8	1989	Châu Thành - Hậu Giang	Đại Học Tây Đô	Kế toán		CTH02778		67.50	40.00	62.50		CTH01019
138	Lê Đức Lưu	Phượng				1	8	1985	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Quản Trị Kinh Doanh		CTH02779		77.50	63.75	75.00		CTH00042
139	Lê Thị Hồng	Phượng				7	1	1982	11/2 Mậu Thân, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH02786		72.50	35.00	67.50		CTH01123
140	Nguyễn Thanh	Phượng	20	4	1990				ấp 2 - xã Hòa Thạnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Đại Học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài Chính		CTH02801		VT	VT	VT		CTH01035
141	Nguyễn Thị Mai	Phượng				12	10	1992	Đức Thịnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		CTH02813		72.50	48.75	75.00		CTH00028
142	Phạm Thị Diễm	Phượng				2	9	1991	Long Mỹ, Hậu Giang	Đại Học Tây Đô	Tài Chính ngân hàng		CTH02826		VT	VT	VT		CTH01121
143	Võ Duy	Phượng	28	11	1991				Đồng Phú, Châu Thành, Hậu Giang	Đại Học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH02845		65.00	57.50	70.00		CTH01003
144	Ngô Thị Bích	Phượng				9	3	1990	Xuân hòa, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Trà Vinh	Kế toán tổng hợp		CTH02869		32.50	30.00	37.50		CTH00085
145	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng				13	12	1993	Thới Bình, Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Luật thương mại		CTH02880		72.50	MT	75.00		CTH01010
146	Phan Phi	Phượng				19	8	1990	Chánh An, Mang Thít, Vĩnh Long	Đại Học Ngân hàng TPHCM	Tài Chính ngân hàng		CTH02885		40.00	38.75	72.50		CTH01055
147	Nguyễn Phan Minh	Quang	7	3	1993				2/3/24, Bùi Thị Xuân, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Luật Thương mại		CTH02923		57.50	60.00	67.50		CTH00549
148	Nguyễn Thị Thanh	Quyên				24	1	1987	Thôn Tiên Mỹ 1, xã Vĩnh Lâm, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH02965		52.50	27.50	42.50		CTH00082
149	Phạm Kim	Quyên				8	12	1988	TT Sông Đốc, H Trần Văn Thời, T Cà Mau	Đại học Tây Đô	Quản Trị Kinh Doanh		CTH02969		57.50	33.75	52.50		CTH00039
150	Quách Thị	Quyên				15	12	1977	Kiên Thọ, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	ĐH Mở TPHCM	Kinh tế Luật	DTTS	CTH02973	20	57.50	36.25	52.50		CTH00024
151	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh				19	11	1994	Tân Long, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh Quốc tế		CTH02994		VT	VT	VT		CTH00530
152	Trần Ngọc Trúc	Quỳnh				23	11	1988	Ninh Kiều, Cần Thơ	Đại Học Nha Trang	Kế toán		CTH03003		57.50	52.50	62.50		CTH01006
153	Trương Thị Thúy	Quỳnh				20	2	1992	Tân Bình - Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật Hành chính		CTH03008		75.00	47.50	70.00		CTH00514
154	Dương Hồng	Rạng				20	2	1990	Đồng Tháp	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH03010		VT	VT	VT		CTH01134
155	Trần Ngọc	Sen				19	1	1982	Thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		CTH03033		VT	VT	VT		CTH00533
156	Hứa Thanh	Sự	20	12	1979				Số 279, khóm 3, phường Tân Thành, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH03068		VT	VT	VT		CTH00557
157	Dương Ngọc	Sương				7	8	1987	Tân Lộc, Thốt Nốt, Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH03069		67.50	58.75	65.00		CTH01091
158	Nguyễn Phát	Tài	19	11	1992				Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kinh doanh quốc tế		CTH03085		55.00	77.50	65.00		CTH01077
159	Nguyễn Võ Ngân	Tâm				7	6	1993	Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Luật thương mại		CTH03128		VT	VT	VT		CTH01104
160	Diệp Thu	Thắm				15	5	1990	25 ấp 4, xã Tắc Vân, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH03185		75.00	55.00	72.50		CTH00047
161	Huỳnh Phương	Thanh				2	7	1994	Châu Thành A, Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế Nông nghiệp		CTH03228		VT	VT	VT		CTH00558
162	Trang Hồ Phương	Thanh				11	12	1991	xã Mỹ Khánh, H Phong Điền, TPCT	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH03269		47.50	VT	VT		CTH00038
163	Nguyễn Trung	Thành	18	4	1991				ấp Quang Trường, Hiếu Thuận, Vưng Liềm, Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Kinh tế		CTH03287		65.00	41.25	67.50		CTH01051
164	Đoàn Ngọc	Thảo				24	9	1993	Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH03311		42.50	60.00	62.50		CTH00544
165	Dương Thị Thu	Thảo				29	10	1994	xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Kinh doanh quốc tế		CTH03315		77.50	61.25	75.00		CTH01024
166	Lê Thị Ngọc	Thảo				21	4	1991	Tổ 15, KV Tân Phú, P Thuận Hưng, Q Thốt Nốt, TPCT	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH03331		80.00	53.75	72.50		CTH00011

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
167	Lê Thị Thanh	Thảo				1	1	1981	ấp Nhơn Thọ 2A, xã Nhơn Ái, Huyện Phong Điền, TP Cần Thơ	Đại học Bình Dương	Kế toán		CTH03332		42.0	26.25	65.00	Khiển trách	CTH00057
168	Nguyễn Thị Phương	Thảo				7	6	1991	Nam Định	Đại học Cần Thơ	Kinh Doanh quốc tế		CTH03367		VT	VT	VT		CTH00087
169	Nguyễn Thị Thanh	Thảo				15	9	1986	Long Hồ, Vĩnh Tong	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		CTH03372		70.00	41.25	62.50		CTH00029
170	Trần Ngọc Lan	Thảo				18	7	1990	73 ấp Thới Hòa A, TT Thới Lai, H Thới Lai, TPCT	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm Toán		CTH03390		60.00	48.75	52.50		CTH00069
171	Nguyễn Xuân	Thông	6	11	1992				Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH03496		57.50	77.50	80.00		CTH01052
172	Đỗ Thị Minh	Thư				26	2	1983	Thị Trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, Bến Tre	Đại Học Nha Trang	Kế toán		CTH03534		65.00	43.75	60.00		CTH01119
173	Phạm Hoàng Anh	Thư				23	1	1992	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH03568		VT	VT	VT		CTH00504
174	Võ Hà Thanh	Thư				1	1	1989	Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH03577		VT	VT	VT		CTH01106
175	Trần Thị Thi	Thư				30	7	1986	Xã Vĩnh Trinh, H Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ	ĐH Mở TPHCM	Quản Trị Kinh Doanh		CTH03581		42.50	31.25	50.00		CTH00049
176	Lâm Hoài	Thương	6	12	1985				Long Trị, Long Mỹ, Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế - Tài nguyên - Môi trường		CTH03610		50.00	40.00	70.00		CTH00523
177	Nguyễn Thị Huỳnh	Thương				17	11	1991	ấp Long Thạnh, xã Tân Long, TX Ngã Năm, tỉnh Long An	Đại học Cần Thơ	Luật Thương Mại		CTH03617		80.00	51.25	70.00		CTH00033
178	Hoàng Thị Diệu	Thủy				10	3	1992	Cầm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm Toán		CTH03651		67.50	55.00	65.00		CTH00004
179	Trần Thị	Thủy				14	5	1990	Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại Học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		CTH03665		87.50	63.75	72.50		CTH01044
180	Võ Ngọc	Thủy				2	10	1989	Cái Khế, Cần Thơ	Đại học Trà Vinh	Kế toán		CTH03670		60.00	42.50	62.50		CTH00036
181	Nguyễn Thị Thanh	Thùy				4	6	1990	Thới An, Ô Môn, Cần Thơ	Đại Học Võ Trường Toản	Tài Chính ngân hàng		CTH03681		VT	VT	VT		CTH01036
182	Phan Hạnh Phương	Thùy				9	7	1992	Ấp Định Phước, xã Định Môn, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ	Đại Học Tây Đô	Tài Chính ngân hàng		CTH03685		VT	VT	VT		CTH01108
183	Trần Thị Bích	Thùy				17	6	1989	Châu Thành, Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH03686		77.50	52.50	75.00		CTH00051
184	Võ Ngọc	Thùy				10	3	1990	Mỹ Khánh, Phong Điền, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH03687		52.50	36.25	62.50		CTH01025
185	Trần Thoại Anh	Thy				14	2	1987	ấp Hòa Hưng, xã Hòa Phú, Long Hồ, Vĩnh Long	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh (Hướng nghề nghiệp ứng dụng)		CTH03730		VT	VT	VT		CTH00564
186	Đỗ Thị Thủy	Tiên				10	3	1986	An Bình, Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH03734		67.50	57.50	77.50		CTH00541
187	Huỳnh Thị Thủy	Tiên				3	2	1987	Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH03737		45.00	42.50	47.50		CTH00086
188	Lê Thị Mỹ	Tiên				22	10	1989	Đồng Phước, Châu Thành, Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH03743		65.00	36.25	65.00		CTH00052
189	Nguyễn Mỹ	Tiên				1	1	1990	ấp Bình Dân, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật Thương Mại		CTH03748		75.00	41.25	55.00		CTH00034
190	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên				25	11	1990	111/26, Trần Ngọc Quế, KV6, phường 3, TP.Vị Thanh, Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH03757		42.50	43.75	55.00		CTH00559
191	Phạm Phước	Tiến	19	6	1993				P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP Cần Thơ	Đại Học An Giang	Kế toán		CTH03782		75.00	61.25	70.00		CTH01023
192	Lê Hoàng	Tính	28	8	1990				Ô Môn - Hậu Giang	Đại Học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		CTH03798		65.00	MT	70.00		CTH01105
193	Vũ Thị	Tinh				1	11	1988	Lục Yên, Yên Bái	Đại học Trà Vinh	Kế toán		CTH03801		50.00	33.75	62.50		CTH00094
194	Hà Song	Toàn	4	10	1992				Thành phố Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH03808		67.50	66.25	80.00		CTH00512
195	Dương Thị Ngọc	Trâm				17	12	1993	Long Xuyên, Bình Thủy, TPCT	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH03838		75.00	53.75	70.00		CTH00091
196	Nguyễn Bích	Trâm				1	1	1982	Quách Phẩm Đắc - Đầm Dơi - Cà Mau	Trường ĐH Mở TP HCM	Tài Chính ngân hàng	Con TB	CTH03849	20	60.00	51.25	MT		CTH01013
197	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm				9	11	1992	Tam Ngãi, Cầu Kè, Trà Vinh	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH03853		42.50	63.75	57.50		CTH01096
198	Nguyễn Thị Bích	Trâm				18	10	1995	ấp Mỹ Phú II, xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH03873		50.00	57.50	67.50		CTH00519

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
199	Lê Bảo	Trần				7	12	1984	Số 726 Trần Hưng Đạo, Khóm 3, Phường 1, TP Sadec, Tỉnh Đồng Tháp	Đại Học Đồng Tháp	Kế toán		CTH03880		60.00	32.50	65.00		CTH01130
200	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần				7	3	1992	Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH03884		52.50	55.00	75.00		CTH01110
201	Nguyễn Tú	Trần				3	8	1991	Ô Môn, Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài Chính DN		CTH03890		82.50	68.75	67.50		CTH00003
202	Trần Thị Bảo	Trần				2	4	1992	Thới Long, Ô Môn, Cần Thơ	Đại học Tây Đô	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH03896		45.00	53.75	57.50		CTH00041
203	Trần Thị Huyền	Trần				15	8	1991	TP Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	Đại Học Mở TPHCM	Quản trị kinh doanh		CTH03897		57.50	55.00	57.50		CTH01034
204	Võ Ánh	Trần				25	11	1991	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kinh Tế TNTN		CTH03899		67.50	68.75	80.00		CTH00035
205	Huỳnh Thị Phương	Trang				5	7	1987	Ấp Tân Thuận Ngoại, xã Tân Phú Tây, Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH03933		55.00	51.25	67.50		CTH00089
206	Huỳnh Thị Thùy	Trang				19	7	1985	ấp Ngải Thuận, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH03937		70.00	41.25	75.00		CTH00522
207	Kiều Thị Thùy	Trang				7	7	1989	Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Đại Học Công Nghiệp TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		CTH03939		62.50	51.25	75.00		CTH01059
208	Lại Thị Hồng	Trang				7	10	1992	Liên Sơn, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Cần Thơ	Luật Thương Mại		CTH03940		60.00	52.50	62.50		CTH00068
209	Lê Thị Thùy	Trang				19	10	1988	Ấp Tích Khánh, xã Thiện Mỹ, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng		CTH03950		62.50	48.75	62.50		CTH00053
210	Ngô Thị Ngọc	Trang				15	10	1989	xã Quảng Phương, Huyện Quảng Trach, Tỉnh Quảng Bình	Đại Học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		CTH03955		75.00	52.50	82.50		CTH01005
211	Nguyễn Ngọc Huyền	Trang				24	12	1991	Lộc Hòa, Long Hồ, Vĩnh Long	Đại học Tây Đô	Quản Trị Kinh Doanh		CTH03966		50.00	40.00	62.50		CTH00056
212	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Trang				15	2	1993	Phường Việt Hưng, TP.Hạ Long, Quảng Ninh	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm Toán		CTH03967		80.00	56.25	80.00		CTH00542
213	Phan Huyền	Trang				27	2	1991	Thới Bình, Cà Mau	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH04010		VT	VT	VT		CTH01090
214	Quang Mỹ	Trang				12	11	1992	số 33, Lê Lợi, ấp Châu Thành, TT.Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh Quốc tế		CTH04018		77.50	83.75	80.00		CTH00531
215	Trần Thị Huyền	Trang				13	10	1987	Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Nha Trang	Kế toán		CTH04026		57.50	36.25	75.00		CTH00062
216	Võ Thị Huyền	Trang				6	9	1988	Đồng Phú, Châu Thành, Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Kế toán Tổng hợp	Không thuộc đối tượng ưu tiên	CTH04041	0	57.50	32.50	60.00		CTH00538
217	Võ Thị Thùy	Trang				18	7	1989	Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH04045		47.50	50.00	67.50		CTH01116
218	Lý Hải	Triệu	22	6	1989				Kế Sách - Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH04065		VT	VT	VT		CTH00535
219	Đoàn Quang	Triệu	3	7	1991				Hoàng Nam, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại Học kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp	Tài Chính Doanh nghiệp		CTH04071		80.00	38.75	60.00		CTH01084
220	Huỳnh Thị Tú	Trình				17	8	1989	ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH04082		52.50	48.75	45.00		CTH00554
221	Lê Thị Tuyết	Trình				20	12	1991	Ô Môn, Cần Thơ	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH04086		VT	VT	VT		CTH00084
222	Nguyễn Thị Thảo	Trình				30	11	1993	Thường Thạnh, Cái Răng, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành		CTH04092		75.00	55.00	72.50		CTH01020
223	Nguyễn Thùy	Trình				28	2	1995	Ấp 8, xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Luật		CTH04102		VT	VT	VT		CTH01066
224	Nguyễn Văn	Trình				12	12	1993	Xuân Phong, Hải Vân, Như Thanh, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kế toán		CTH04103		97.50	67.50	77.50		CTH00561
225	Trương Thị Thanh	Trúc				25	9	1992	133/9, ấp Mỹ Phú, Mỹ Phước, Mang Thít, Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CTH04155		32.50	35.00	45.00		CTH00552
226	Lương Cẩm	Tú				8	10	1988	Cà Mau	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH04217		70.00	66.25	67.50		CTH00001
227	Khuur Khánh	Tuấn	19	11	1993				Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kế toán- Kiểm toán		CTH04260		47.50	56.25	75.00		CTH01137
228	Lê Thanh	Tuấn	10	4	1976				16, Đ 19, Khu tái định cư An Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ	Đại Học Thủy Sản	Kinh tế thủy sản		CTH04264		50.00	37.50	55.00		CTH01122

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
229	Lý Thanh	Tuấn	14	8	1973				Bình Hưng, Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ	Đại Học Mờ TPHCM	Kế toán		CTH04266		VT	VT	VT		CTH01089
230	Dương Quang	Tùng	24	8	1992				Ninh Bình	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH04286		72.50	73.75	70.00		CTH01031
231	Nguyễn Phương	Tùng	1	1	1988				ấp 9 Xáng, xã Đồng Hòa, huyện An Ninh, tỉnh Kiên Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		CTH04295		VT	VT	VT		CTH00543
232	Nguyễn Thanh	Tùng	13	1	1982				An Nghiệp, Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH04298		72.50	51.25	75.00		CTH01063
233	Đỗ Hồng	Tươi				1	1	1989	Nhơn Nghĩa, Phong Điền, Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		CTH04307		77.50	MT	75.00		CTH01002
234	Nguyễn Thị Kim	Tuyền				16	3	1988	Tiền Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		CTH04319		62.50	53.75	70.00		CTH00529
235	Đặng Thị Thanh	Tuyền				10	1	1987	Thốt Nốt, TPCT	ĐH Mờ TPHCM	Kế toán		CTH04324		57.50	35.00	62.50		CTH00021
236	Nguyễn Thanh	Tuyền				1	7	1990	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kinh Tế Ngoại Thương		CTH04344		40.00	30.00	60.00		CTH00570
237	Phan Thị Thanh	Tuyền				11	9	1987	11/9 Quang Trung, Tổ 4, Khóm 1, P. Cái Vồn, Bình Minh, Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		CTH04352		47.50	50.00	45.00		CTH01083
238	Trần Thanh Thảo	Uyên				10	7	1989	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Quản Trị Kinh Doanh		CTH04405		87.50	56.25	72.50		CTH00020
239	Nguyễn Phú	Vinh	28	1	1979				P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ	Đại Học Mờ TPHCM	Kế toán		CTH04535		37.50	45.00	35.00		CTH01042
240	Phạm Trần Khắc	Vinh	16	8	1992				Trà Vinh	Đại Học Tây Đô	Tài Chính ngân hàng		CTH04542		42.50	28.75	60.00		CTH01057
241	Võ Huỳnh	Vũ	15	10	1987				Trường Lạc, Ô Môn, TP.Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH04560		80.00	70.00	65.00		CTH00562
242	Lê Hoàng Yến	Vy				15	4	1989	Ô Môn - Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH04568		57.50	50.00	45.00		CTH00534
243	Trịnh Hoàng Nhật	Vy				2	4	1994	Hưng Thạnh, Cái Răng, TP.Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kiểm toán		CTH04579		VT	VT	VT		CTH00503
244	Trần Thị Thanh	Xuân				3	11	1990	xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		CTH04600		VT	VT	VT		CTH01062
245	Nguyễn Thị Mỹ	Xuân				29	3	1988	Ấp Nhơn Hòa Long B, TT Kinh Cù, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH04607		VT	VT	VT		CTH01128
246	Tường Thị	Yến				8	7	1982	Liên Khê, Khoái Châu, Hưng Yên	Đại học Cửu Long	Kế toán		CTH04662		67.50	57.50	67.50		CTH00043
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Ngô Lê Ngọc	Anh				13	12	1986	Bến Tre	Đại học Cần Thơ	Kỹ thuật ĐTVT		CTH04669		52.50	50.00			CTH00078
2	Nguyễn Quốc	Hưng	14	2	1990				TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Công nghệ thông tin		CTH04725		67.50	45.00			CTH01015
3	Đái Hữu	Ngọc	17	1	1982				thị trấn Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tin học		CTH04760		62.50	38.75			CTH01112
4	Trương Thị Bảo	Trần				9	6	1992	TRinh Phú, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Cửu Long	Công nghệ thông tin		CTH04838		50.00	42.50			CTH00005
5	Nguyễn Thị	Trang				23	8	1989	Phượng Quới B, Phường Bình, Phụng Hiệp, Hậu Giang	ĐH Bách Khoa Hà Nội	Quản Trị Tài Chính- Kế Toán		CTH04841		57.50	46.25			CTH00046
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	Phạm Thúy	An				25	1	1990	Long Thạnh, Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại Học Tây Đô	Kế toán		CTH04907		60.00	32.00	72.00		CTH01038
2	Chiêu Quốc	Bình				7	8	1982	P Trung Kiên, Q Thốt Nốt, TPCT	ĐH Kinh Tế TPHCM	Kế toán		CTH04919		44.00	36.00	64.00		CTH00025
3	Trần Ngọc	Chơn	16	10	1993				Ấp Đồng Thạnh, xã Đồng Thuận, H Thới Lai, TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Luật		CTH04932		28.00	18.00	36.00		CTH01078
4	Đặng Thành	Công	29	11	1992				Qui Nhơn - Bình Định	Trường Cao Đẳng Kinh tế Kỹ Thuật Cần Thơ	Thuế nhà nước		CTH04933		56.00	42.00	76.00		CTH01082
5	Lê Văn	Đệ	19	10	1984				xã Vị Tân, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Cao Đẳng Cần Thơ	Kế toán		CTH04944		44.00	42.00	80.00		CTH01133
6	Đỗ Thủy	Dung				18	2	1990	An Giang	Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH04955		VT	VT	VT		CTH00553
7	Ngô Cẩm	Dung				20	12	1989	Huyện Gò Quao, Tỉnh Kiên Giang	Đại Học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		CTH04958		40.00	30.00	44.00		CTH01098
8	Trần Phương	Duy	6	10	1992				Phường 3, Cao Lãnh, Đồng Tháp	Đại Học Cửu Long	Tài Chính ngân hàng		CTH04969		VT	VT	VT		CTH01101

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
9	Võ Ánh	Duy	4	11	1980				Tân An, Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	Trường Trung học Dân Lập Bách Nghệ Cần Thơ	Hạch toán - Kế toán		CTH04970		44.00	VT	VT		CTH00521
10	Nguyễn Hồng	Hà	20	9	1985				xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, TP Cần Thơ	Cao Đẳng Cần Thơ	Kế toán		CTH04985		28.00	30.00	40.00		CTH01075
11	Nguyễn Ngân	Hà				25	10	1991	Hòa Lưu, Vĩ Thanh, Hậu Giang	Cao Đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Kế toán		CTH04986		56.00	64.00	80.00		CTH00074
12	Lưu Gia	Hân				3	9	1995	Trung An, Thốt Nốt	Trường Cao đẳng Cần Thơ	Kế toán		CTH04996		VT	VT	VT		CTH00555
13	Nguyễn Thị Ngọc	Hương				4	10	1981	KV Thới Thạnh 1, P Thới Thuận, Q Thốt Nốt, TPCT	Trường Trung học kinh tế - kỹ thuật Cần Thơ	Kế toán DN		CTH05040		48.00	28.00	40.00		CTH00081
14	Lê Quốc	Huy	11	7	1991				TP Long Xuyên, An Giang	Trường Cao Đẳng Nghề An Giang	Thuế Nhà Nước		CTH05041		VT	VT	VT		CTH00015
15	Nguyễn Thị Thúy	Liễu				20	4	1993	289/225, KV Bắc Vàng, P Thới Long, Q Ô Môn, TPCT	Cao Đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Thuế Nhà Nước		CTH05075		68.00	30.00	84.00		CTH00083
16	Lư Cẩm	Linh				29	9	1982	Ấp Thanh Lợi, xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ	Đại Học Mở TPHCM	Kế toán		CTH05080		60.00	44.00	80.00		CTH01039
17	Thạch Huỳnh Phương	Nam				27	12	1988	TP Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Kinh tế nông nghiệp	DTTS	CTH05117	20	VT	VT	VT		CTH01081
18	Đỗ Thị Kim	Ngân				28	12	1985	TP Ninh Bình, T Ninh Bình	Cao Đẳng KT-KT Cần Thơ	Tài Chính Tiền Tệ Thuế		CTH05125		72.00	26.00	76.00		CTH00071
19	Lê Thị Kim	Ngân				26	9	1993	Đông Thuận, Thới Lai, TP Cần Thơ	Cao Đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Cần Thơ	Hạch toán - Kế toán		CTH05128		32.00	20.00	48.00		CTH01109
20	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân				4	7	1992	Phường 1, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Cao Đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH05129		56.00	50.00	64.00		CTH01127
21	Phan Thị Mỹ	Ngân				26	12	1985	Bình Thủy, TPCT	Trung Học DL Bách Nghệ Cần Thơ	Hạch toán KT		CTH05133		56.00	32.00	64.00		CTH00072
22	Lê Thiên Kim	Ngọc				3	9	1992	Thới Long, Ô Môn, TP Cần Thơ	Cao Đẳng Cần Thơ	Trung cấp kế toán Hành chính sự nghiệp		CTH05140		56.00	34.00	60.00		CTH01071
23	Võ Thị Cẩm	Ngọc				14	7	1993	Cần Thơ	Cao Đẳng KT-KT Cần Thơ	Thuế Nhà Nước		CTH05144		40.00	68.00	80.00		CTH00061
24	Nhan Ngọc Yến	Nhi				2	3	1993	Ấp Đông Thạnh A, xã Đông Thạnh, thị xã Bình Minh, Vĩnh Long	Cao Đẳng Kinh Tế Tài Chính Vĩnh Long	Kế toán		CTH05160		20.00	28.00	64.00		CTH01056
25	Từ Thị Phương	Nhi				4	12	1993	xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Kế toán		CTH05163		72.00	42.00	52.00		CTH00520
26	Phạm Thị Mỹ	Nhiều				21	1	1990	Bình Minh, Tam Bình, Vĩnh Long	Cao Đẳng Bán Công Công nghệ và Quản trị Doanh Nghiệp	Kế toán		CTH05164		VT	VT	VT		CTH01114
27	Lý Thị Tuyết	Nhung				25	5	1985	Trường Khánh, Long Phú, Sóc Trăng	Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Cần Thơ	Quản lý ngân sách nhà nước		CTH05174		56.00	26.00	72.00		CTH00509
28	Trần Thị Ngọc	Nữ				18	8	1994	500B Ấp Mỹ Nhơn, Xã Mỹ Khánh, H Phong Điền, TPCT	Cao Đẳng Cần Thơ	Kế toán Hành chính sự nghiệp		CTH05179		40.00	30.00	52.00		CTH00058
29	Đặng Hồng	Phương				27	2	1994	xã Vĩnh Tường, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang	Cao Đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Cần Thơ	Thuế Nhà Nước		CTH05195		64.00	56.00	56.00		CTH01032
30	Phan Thị Ngọc	Quỳnh				10	6	1994	xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Cao Đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Cần Thơ	Quản lý NSNN	Con AHLLVT	CTH05210	20	44.00	38.00	40.00		CTH01014
31	Bùi Chung Hoàng	Sơn	13	2	1995				xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, Tỉnh Kiên Giang	Cao Đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Cần Thơ	Thuế nhà nước		CTH05219		VT	VT	VT		CTH01094
32	Nguyễn Hoàng	Sơn	30	10	1994				Long Đức, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	Cao Đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Cần Thơ	Kế toán doanh nghiệp		CTH05221		36.00	24.00	68.00		CTH01047
33	Đinh Thị Minh	Tâm				18	8	1986	Trà Cú, Trà Vinh	Đại Học Cần Thơ	Kinh tế nông nghiệp		CTH05227		VT	VT	VT		CTH01088
34	Từ Hòa	Thắng	25	5	1982				KV Trường Thọ 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP.Cần Thơ	Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Quản lý ngân sách nhà nước		CTH05244		44.00	20.00	44.00		CTH00551
35	Lương Thị Thu	Thảo				17	1	1993	Yên Bình, Yên Bái	Đại Học Tây Đô	Kế toán		CTH05261		52.00	34.00	52.00		CTH01086
36	Nguyễn Thị Phương	Thảo				22	1	1986	Cái Bè, Tiền Giang	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		CTH05262		VT	VT	VT		CTH01072

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
37	Võ Thị Hồng	Thị				17	7	1990	Cần Thơ	Cao Đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	QL Ngân sách NN		CTH05269		24.00	26.00	48.00		CTH01135
38	Lê Hoàng Minh	Thư				19	1	1992	Cần Thơ	Cao Đẳng KT-KT Cần Thơ	Thuế Nhà Nước		CTH05281		52.00	48.00	52.00		CTH00059
39	Nguyễn Phi	Thường	17	10	1980				Ấp Đông Thới, Đông Bình, Thới Lai, Cần Thơ	Cao Đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Kế toán DNSX		CTH05289		56.00	38.00	36.00		CTH00027
40	Huỳnh Thị Thu	Thủy				13	3	1991	Số nhà 58, Tổ 2 KV Thới An 1, phường Thuận An, quận Thốt Nốt, TP.Cần Thơ	Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Cần Thơ	Thuế Nhà nước		CTH05298		76.00	40.00	64.00		CTH00518
41	Nguyễn Thị Lệ	Thủy				27	2	1983	Hải Hậu - Nam Định	Trường Cao đẳng Cần Thơ	Kế toán DNSX		CTH05301		VT	VT	VT		CTH00569
42	Võ Thu	Thủy				27	4	1977	Thới Thuận - Thốt Nốt - TP Cần Thơ	Đại Học Huế	Luật		CTH05304		56.00	30.00	76.00		CTH01041
43	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên				9	10	1991	Ấp 6, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng	Cao Đẳng Cần Thơ	Kế toán		CTH05309		40.00	36.00	72.00		CTH01009
44	Trần Thị Mỹ	Tiên				17	2	1986	Q. Thốt Nốt, Tp Cần Thơ	Cao Đẳng kinh tế Kỹ Thuật Cần Thơ	Kế toán DNSX		CTH05311		44.00	28.00	48.00		CTH01070
45	Nguyễn Thị Ngọc	Trang				5	6	1987	KV Long Thạnh A, P Thốt Nốt, Q Thốt Nốt, TPCT	Cao Đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Thuế		CTH05334		80.00	44.00	76.00		CTH00016
46	Trần Thị Thủy	Trang				20	5	1990	Cần Thơ	Đại học Cửu Long	Quản Trị Kinh Doanh		CTH05339		VT	VT	VT		CTH00014
47	Nguyễn Thị Tố	Trình				16	6	1994	Phụng Hiệp, Hậu Giang	Cao Đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Cần Thơ	Tài Chính Ngân hàng		CTH05345		VT	VT	VT		CTH01117
48	Trần Quốc	Tuấn	31	12	1992				327, ấp Tân Hiệp, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Đại Học Cần Thơ	Luật		CTH05366		24.00	32.00	24.00		CTH01080
49	Hồ Văn	Tường	1	4	1970				Ấp Trường Khương A, xã Trường Long, H Phong Điền, TP Cần Thơ	Đại Học kinh tế	Tài Chính		CTH05368		52.00	22.00	72.00		CTH01132
50	Nguyễn Thị Thanh	Xuân				21	11	1988	An Nghiệp, Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	Trường Trung học Quản lý và Công nghệ	Kế toán Doanh nghiệp		CTH05401		VT	VT	VT		CTH00540
51	Huỳnh Mỹ	Xuyên				11	12	1986	Tân Đức A, xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Đại Học Nha Trang	Kế toán		CTH05404		56.00	26.00	60.00		CTH01061
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			